TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT.
Ngày: 16/01/2020.
V/v : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
Ông Nguyễn Hải Vinh.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16/01/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2019/TLPT- HNGĐ ngày 18/12/2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2019/QĐ-PT ngày 31/12/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bế Thị L, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Đàm Việt D, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***Người kháng cáo:**Anh Đàm Việt D (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Bế Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Đàm Việt D vào ngày 20/8/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, nợ nần anh D không tu chí làm ăn, uống rượu say về chửi bới, đánh chị, chị đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng không quan tâm tới nhau từtháng 7/ 2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đàm Việt D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đàm Trung A, sinh ngày 01/9/2010, hiện nay cháu đang ở với anh D tại bản C, xã H. Khi ly hôn để anh D nuôi con và chị tự nguyện đóng góp tiền nuôi con 2.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản khai của anh Đàm Việt D trình bầy: Việc kết hôn như chị L trình bầy là đúng. Anh kết hôn với chị L vào ngày 20/8/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn anh D ở nhà chăn nuôi làm vườn bãi, chị L đi ra ngoài làm ăn. Khi kiếm ra tiền thì chị L tỏ thái độ coi thường anh, do chán nản anh có thỉnh thoảng uống rượu, trong lần bất đồng cãi nhau anh D đã đánh chị L nên chị L đã bỏ nhà đi làm ăn, không quan tâm tới anh từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị L xin ly hôn phía anh không đồng ý. Anh cho rằng vợ chồng có lúc bất đồng xô xát nhưng tình cảm vợ chồng anh đến nay vẫn còn, anh xin về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị L trình bầy là đúng. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi con là Đàm Trung A, sinh ngày 01/9/2010, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Còn chị L tự nguyện đóng góp nuôi con như thế nào là tùy chị L.

- Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Thị L được ly hôn anh Đàm Việt D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L, anh D. Giao cho anh D trực tiếp nuôi con chung là Đàm Trung A, sinh ngày 01/9/2010,chị L có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/10/2019. Sau khi ly hôn chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này

3. Về tài sản, công nợ: Chị L, anh D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

*Ngày 11/10/2019 bị đơn là anh Đàm Việt D kháng cáo không đồng ý ly hôn theo quyết định của bản án sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị L.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt, không có đơn xin rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn là anh Đàm Việt D trình bày: Tôi không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, căng thẳng. Việc xảy ra xô xát là do tôi nóng giận bột phát, chị L muốn đi lao động nước ngoài tôi không đồng ý. Tôi xác định tình cảm vợ chồng về phía tôi vẫn còn nhưng tình cảm chị L dành cho tôi là không còn nữa. Tuy nhiên tôi muốn gia đình đoàn tụ vì con cái đang tuổi lớn cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Nếu phải ly hôn thì tôi đồng ý nhận nuôi con chung và chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ 1tháng như bản án sơ thẩm đã quyết định. Tuy nhiên tôi đề nghị hạn chế việc thăm nom con chung của chị L vì lý do gia đình chị L có nhiều phức tạp, tôi sợ chị L lợi

dụng việc thăm nom con sẽ làm nguy hiểm cho cuộc sống của con. Về tài sản chung thì tôi không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh Dđã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục nên xử cho chị L được ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đàm Việt D, áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do bị đơn là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn của huyện Y nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Đàm Việt Dđược nộp cho Tòa án nhân dân huyện Y trong thời hạn quy định của pháp luật và được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo của anh Đàm Việt Dlà hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bế Thị L đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án về việc mở phiên tòa. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 296- Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Bế Thị L.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơnĐàm Việt Dvề việc không đồng ý ly hôn, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị L, HĐXX thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh D vào ngày 20/8/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, chị L đi làm ăn kinh tế nhưng anh D không tin tưởng vợ nên chán nản không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu.Vì vậy vợ chồng hay xảy ra bất đồng cãi chửi, đánh nhau và sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đến nay không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận xử cho chị Bế Thị L được ly hôn anh Đàm Việt D. Sau khi xét xử sơ thẩm anh D kháng cáo không đồng ý ly hôn, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của chị L vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn trầm trọng là không đúng, phán đoán sai về phẩm chất, đạo đức, lối sống của anh.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm anh D không có chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.Bản thân anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng chỉ còn ở phía anh, chị L không còn tình cảm gì với anh nữa. Anh cũng xác định được hôn nhân chỉ có hạnh phúc khi có sự xây dựng vun đắp từ cả hai phía vợ chồng. Như vậy HXXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D là trầm trọng,cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và xử cho chị L được ly hôn anh D là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đàm Trung A, sinh ngày 01/9/2010, hiện nay cháu đang ở với anh D tại bảnC, xã H.Trường hợp ly hôn chị L, anh D đều thống nhất để anh D nuôi con, chị L tự nguyện đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/10/2019. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận này là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình.Anh D cũng nhất trí nội dung này nên HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Về việc anh D yêu cầu Tòa án hạn chế chị L quyền thăm nom con chung sau ly hôn, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận do anh D không đưa ra được các

căn cứ chứng minh chị L vi phạm các quy định tại Điều 85- Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chị L, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không đề cập xem xét giải quyết là có căn cứ.Anh D cũng không kháng cáo nội dung này nên HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

[3.4]. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục nên xử cho chị L được ly hôn anh D và công nhận việc thỏa thuận về nuôi con chung sau ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83-Luật hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Đàm Việt D, áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Đàm Việt D không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên,do bị đơn anh Đàm Việt D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn của huyện Y nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Đàm Việt D. Giữ nguyên bản ánhôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ - ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ, khoản 1, Điều 12của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Thị L được ly hôn anh Đàm Việt D

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L, anh D. Giao cho anh D trực tiếp nuôi con chung là Đàm Trung A, sinh ngày 01/9/2010, chị L có trách nhiệm

đóng góp tiền nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/10/2019. Sau khi ly hôn chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản, công nợ: Chị L, anh D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Đàm Việt D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Y;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân Thắng